

CHƯƠNG 7 CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Mục A: Các biện pháp tự vệ

Điều 7.1: Áp dụng biện pháp tự vệ

Nếu, do kết quả của sự giảm bớt hay xóa bỏ một loại thuế hải quan theo Hiệp định này, một hàng hoá xuất xứ của Bên kia nhập khẩu vào lãnh thổ của một Bên với số lượng tăng đột biến, cả về tuyệt đối và tương đối so với sản xuất trong nước, và trong điều kiện là hàng hoá nhập khẩu có xuất xứ từ Bên kia là nguyên nhân trọng yếu gây ra thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước của sản phẩm tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp của hàng hoá đó trong lãnh thổ của Bên nhập khẩu, Bên nhập khẩu có thể áp dụng một biện pháp tự vệ dưới hình thức:

- (a) đình chỉ việc cắt giảm thêm bất kỳ mức thuế hải quan đối với hàng hoá đó theo quy định của Hiệp định này; hoặc
- (b) tăng mức thuế hải quan đối với hàng hoá đó đến một mức độ không vượt quá mức thấp hơn trong số các mức thuế sau:
 - (i) mức thuế tối huệ quốc (MFN) đang áp dụng cho hàng hoá đó có hiệu lực tại thời điểm áp dụng biện pháp; hoặc
 - (ii) mức thuế hải quan cơ bản được quy định trong Lộ trình tại Phụ lục 2-A (Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế hải quan) theo Điều 2.3 (Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế hải quan).

Điều 7.2 : Các điều kiện và giới hạn áp dụng

1. Một Bên phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc khởi xướng một cuộc điều tra được mô tả tại khoản 2 và phải tham vấn với Bên kia sớm nhất có thể trước khi áp dụng biện pháp tự vệ, nhằm xem xét lại các thông tin thu được từ cuộc điều tra và trao đổi quan điểm về biện pháp áp dụng.
2. Một Bên chỉ được áp dụng biện pháp tự vệ trên cơ sở một cuộc điều tra tiến hành bởi các cơ quan có thẩm quyền của Bên đó theo quy định tại Điều 3 và 4.2 (c) của Hiệp định Tự vệ, và theo đó, Điều 3 và 4.2(c) của Hiệp định Tự vệ được hợp nhất vào và là một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi phù hợp.
3. Trong quá trình điều tra theo quy định tại khoản 2, Bên tiến hành điều tra phải tuân thủ các yêu cầu đặt ra của Điều 4.2(a) và 4.2(b) của Hiệp định Tự vệ, và theo đó, Điều 4.2(a) và 4.2(b) của Hiệp định Tự vệ được hợp nhất vào và là một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi phù hợp.
4. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền của mình kết thúc bất kỳ cuộc điều tra này trong vòng một năm kể từ ngày khởi xướng.

5. Không Bên nào được áp dụng biện pháp tự vệ:

- (a) ngoại trừ trong phạm vi, và trong thời gian cần thiết để ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và để tạo điều kiện cho ngành sản xuất trong nước điều chỉnh;
- (b) trong khoảng thời gian dài hơn hai năm, trừ trường hợp có thể gia hạn thêm một khoảng thời gian lên đến 1 năm nếu cơ quan có thẩm quyền của Bên nhập khẩu xác định, phù hợp với các thủ tục quy định tại điều này, rằng biện pháp vẫn còn cần thiết để ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và để tạo điều kiện cho ngành sản xuất trong nước điều chỉnh và có bằng chứng cho thấy rằng ngành sản xuất trong nước đang điều chỉnh, với điều kiện tổng thời gian áp dụng một biện pháp tự vệ, bao gồm cả thời gian áp dụng đầu tiên và bất kỳ thời gian gia hạn nào, không được vượt quá ba năm; hoặc
- (c) vượt quá thời hạn chuyển đổi, trừ trường hợp được sự đồng ý của Bên kia.

6. Không Bên nào được áp dụng một biện pháp tự vệ nhiều hơn một lần đối với cùng một hàng hoá.

7. Trường hợp thời gian dự kiến của biện pháp tự vệ nhiều hơn một năm, Bên nhập khẩu phải từng bước nới lỏng biện pháp một cách đều đặn.

8. Trường hợp một Bên huỷ bỏ một biện pháp tự vệ, mức thuế hải quan sẽ là mức thuế mà, theo Lộ trình của Bên đó theo Phụ lục 2-A (Cắt giảm hoặc xoá bỏ thuế hải quan), đáng lẽ đang có hiệu lực nếu như không có biện pháp tự vệ.

Điều 7.3 : Các biện pháp tự vệ tạm thời

1. Trong các trường hợp khẩn cấp mà việc trì hoãn sẽ gây ra thiệt hại khó có thể khắc phục được, một Bên có thể áp dụng biện pháp tự vệ trên cơ sở tạm thời căn cứ theo một quyết định sơ bộ của cơ quan có thẩm quyền của Bên đó rằng có bằng chứng rõ ràng việc nhập khẩu một hàng hoá có xuất xứ từ Bên kia đã gia tăng do kết quả của sự cắt giảm hay xoá bỏ thuế quan theo Hiệp định này, và hàng nhập khẩu đó là nguyên nhân trọng yếu gây ra thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước.

2. Trước khi cơ quan có thẩm quyền của một Bên có thể ban hành quyết định sơ bộ, Bên đó phải công bố thông báo công khai trong đó chỉ ra làm thế nào để các Bên liên quan, bao gồm cả các nhà nhập khẩu và xuất khẩu, có thể nhận được bản không mật của đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ, và phải cho các Bên liên quan có ít nhất 20 ngày kể từ ngày công bố thông báo để đưa ra chứng cứ và quan điểm về việc áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời. Một Bên không được áp dụng biện pháp tạm thời trong vòng ít nhất 45 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền của Bên đó khởi xướng điều tra.

3. Bên áp dụng biện pháp tự vệ phải thông báo với Bên kia trước khi áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời, và phải tiến hành tham vấn sau khi áp dụng biện pháp tạm thời.

4. Thời hạn của bất kỳ biện pháp tạm thời nào không được vượt quá 200 ngày, trong thời gian đó Bên áp dụng phải tuân thủ các yêu cầu tại khoản 2 và 3 Điều 7.2.

5. Bên áp dụng phải ngay lập tức hoàn trả bất kỳ khoản thuế tăng thêm nào nếu cuộc điều tra quy định tại khoản 2 Điều 7.2 không đưa ra được kết luận rằng các yêu cầu tại Điều 7.1 được thoả mãn. Thời hạn của bất kỳ biện pháp tạm thời nào đều phải được tính là một phần của thời hạn quy định tại tiểu khoản 5(b) Điều 7.2.

Điều 7.4 : Bồi thường

1. Không chậm hơn 30 ngày kể từ ngày áp dụng biện pháp tự vệ, một Bên phải tạo cơ hội cho Bên kia để tham vấn về việc bồi thường thương mại thích hợp dưới các hình thức nhượng bộ có tác động thương mại tương đương đáng kể hoặc tương đương với giá trị của các khoản thuế bổ sung là kết quả của biện pháp tự vệ. Bên áp dụng phải bồi thường theo thoả thuận của các Bên.

2. Nếu các Bên không thoả thuận được về việc bồi thường qua các buổi tham vấn theo quy định tại khoản 1 trong vòng 30 ngày kể từ ngày bắt đầu tham vấn, Bên có hàng hoá bị áp dụng biện pháp có thể đình chỉ việc áp dụng các nhượng bộ đối với hàng hoá xuất xứ của Bên áp dụng biện pháp mà có tác động thương mại tương đương đáng kể với biện pháp tự vệ.

3. Nghĩa vụ bồi thường của Bên áp dụng biện pháp theo quy định tại khoản 1 và quyền đình chỉ các nhượng bộ của Bên kia theo quy định tại khoản 2 sẽ chấm dứt vào ngày bãi bỏ biện pháp tự vệ.

4. Bất kỳ bồi thường nào đều phải dựa trên tổng thời gian áp dụng của biện pháp tự vệ và biện pháp tự vệ tạm thời.

5. Quyền đình chỉ quy định tại khoản 2 không được áp dụng trong 24 tháng đầu tiên kể từ khi biện pháp tự vệ có hiệu lực, nếu biện pháp tự vệ này được áp dụng như là kết quả của sự tăng tuyệt đối hàng nhập khẩu và biện pháp tự vệ này phù hợp với các quy định của Hiệp định này.

Điều 7.5 : Các biện pháp tự vệ toàn cầu

1. Mỗi Bên giữ nguyên các quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều XIX Hiệp định GATT 1994 và Hiệp định Tự vệ. Hiệp định này không quy định bất kỳ quyền hay nghĩa vụ bổ sung nào đối với các Bên liên quan tới các hành vi thực hiện theo Điều XIX Hiệp định GATT 1994 và Hiệp định Tự vệ, ngoại trừ trường hợp một Bên áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu có thể loại trừ hàng nhập khẩu có xuất xứ từ Bên kia nếu hàng nhập khẩu đó không phải là nguyên nhân trọng yếu gây thiệt hại nghiêm trọng hay đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng.

2. Dựa trên yêu cầu của Bên kia, Bên dự định áp dụng biện pháp tự vệ phải ngay lập tức gửi thông báo bằng văn bản về tất cả các thông tin thích hợp về việc khởi xướng điều tra một vụ việc tự vệ, kết luận sơ bộ và kết luận cuối cùng của cuộc điều tra.

3. Không Bên nào được áp dụng, đối với cùng một hàng hoá, tại cùng một thời điểm:

(a) một biện pháp tự vệ; và

(b) một biện pháp theo Điều XIX Hiệp định GATT 1994 và Hiệp định Tự vệ.

Mục B : Thuế chống bán phá giá và thuế đối kháng

Điều 7.6 : Các quy định chung

1. Trừ trường hợp có quy định khác trong Hiệp định này, mỗi Bên giữ nguyên quyền và nghĩa vụ của mình theo Hiệp định WTO về việc áp dụng thuế chống bán phá giá và thuế đối kháng.

2. Các Bên phải đảm bảo, ngay sau khi bất kì biện pháp tạm thời nào được áp dụng và trong bất kỳ trường hợp nào trước khi có kết luận cuối cùng, công bố đầy đủ và có nghĩa tất cả các dữ liệu thực tế quan trọng và các lý do làm cơ sở cho việc quyết định áp dụng biện pháp, mà không vi phạm Điều 6.5 Hiệp định Chống bán phá giá và Điều 12.4 Hiệp định về Trợ cấp và các biện pháp đối kháng. Việc công bố phải được thực hiện bằng văn bản, và các bên liên quan phải có đủ thời gian để đưa ra các ý kiến bình luận.

3. Các Bên sẽ tiến hành các hoạt động sau đây với nhau trong các vụ việc chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp để tăng cường tính minh bạch trong việc thực hiện các Hiệp định WTO:

- (a) khi biên độ phá giá được thiết lập, đánh giá hoặc rà soát theo các Điều 2, 9.3, 9.5, và 11 của Hiệp định Chống bán phá giá, không kể tới những căn cứ so sánh theo Điều 2.4.2 của Hiệp định Chống bán phá giá, tất cả biên độ riêng, dù là dương hay âm, nên được tính vào mức trung bình;
- (b) nếu một quyết định được thực hiện để áp thuế chống bán phá giá theo quy định tại Điều 9.1 của Hiệp định Chống bán phá giá, Bên ban hành quyết định có thể áp dụng quy tắc “thuế thấp hơn”, bằng cách áp mức thuế thấp hơn so với biên độ bán phá giá trong trường hợp mức thuế thấp hơn như vậy sẽ là đủ để loại bỏ thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước; và
- (c) Bên điều tra sẽ yêu cầu một nhà xuất khẩu hoặc sản xuất trong lãnh thổ của Bên kia trả lời đúng thời hạn bản câu hỏi điều tra của mình. Khi Bên điều tra thấy có sự thiếu hụt lớn thông tin trong một bản trả lời nhận được trước thời hạn của nhà xuất khẩu hoặc nhà sản xuất liên quan hoặc yêu cầu làm rõ thêm vì mục đích điều tra, Bên điều tra sẽ yêu cầu các thông tin còn thiếu hoặc yêu cầu làm rõ các thông tin liên quan đến các câu trả lời cho bản câu hỏi. Thủ tục này sẽ không được sử dụng để gây ra sự chậm trễ không chính đáng trong việc điều tra hoặc để phá vỡ các thời hạn được quy định trong pháp luật và quy định trong nước của Bên điều tra.

Điều 7.7 : Thông báo và Tham vấn

1. Khi cơ quan có thẩm quyền của một Bên nhận được Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá hợp lệ liên quan đến hàng hoá nhập khẩu từ Bên kia, và không muộn hơn 15 ngày trước khi khởi xướng điều tra, Bên điều tra phải có thông báo bằng văn bản đến Bên kia về việc nhận được đơn kiện và tổ chức một buổi họp với Bên kia hoặc tạo các cơ hội khác

tương đương liên quan đến đơn kiện, phù hợp với các quy định và pháp luật trong nước của Bên điều tra.

2. Khi cơ quan có thẩm quyền của một Bên nhận được Đơn yêu cầu áp dụng thuế đối kháng hợp lệ liên quan đến hàng hoá nhập khẩu từ Bên kia, và trước khi khởi xướng điều tra, Bên điều tra phải có thông báo bằng văn bản đến Bên kia về việc nhận được đơn kiện và tổ chức một buổi họp với Bên kia để tham vấn với cơ quan có thẩm quyền của Bên điều tra về đơn kiện.

Điều 7.8: Các cam kết

1. Sau khi cơ quan có thẩm quyền của một Bên khởi xướng điều tra một vụ việc chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp, Bên khởi xướng đó phải gửi thông tin bằng văn bản cho Đại sứ quán hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên kia về các trình tự thủ tục của mình cho việc yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của Bên khởi xướng điều tra xem xét một cam kết về giá bao gồm khung thời gian cho việc đề xuất và kết luận về bất kỳ cam kết nào như vậy nếu có thể.

2. Trong một vụ việc điều tra chống bán phá giá, khi cơ quan có thẩm quyền của một Bên đã ra quyết định sơ bộ khẳng định về phá giá và thiệt hại gây ra bởi sự phá giá đó, Bên đó phải xem xét hợp lý, và tạo cơ hội thích hợp để tham vấn, cho các nhà xuất khẩu của Bên kia về các cam kết giá đề xuất mà, nếu được chấp nhận, có thể dẫn tới việc đình chỉ điều tra mà không áp thuế chống bán phá giá, thông qua các quy định của pháp luật, quy định và thủ tục trong nước của Bên điều tra.

3. Trong một vụ việc điều tra chống trợ cấp, khi cơ quan có thẩm quyền của một Bên đã ra quyết định sơ bộ khẳng định về trợ cấp và thiệt hại gây ra bởi trợ cấp đó, Bên đó phải xem xét hợp lý, và tạo cơ hội thích hợp để tham vấn, cho Bên kia và các nhà xuất khẩu của Bên kia về các cam kết giá đề xuất mà, nếu được chấp nhận, có thể dẫn tới việc đình chỉ điều tra mà không áp thuế chống trợ cấp, thông qua các quy định của pháp luật, quy định và thủ tục trong nước của Bên điều tra.

Điều 7.9 : Điều tra sau khi bãi bỏ biện pháp do kết quả của một đợt rà soát

Các Bên thống nhất kiểm tra, với sự chú trọng đặc biệt, bất kỳ đơn yêu cầu khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với một hàng hoá xuất xứ từ bên kia và đối với các biện pháp chống bán phá giá đã huỷ bỏ trong 12 tháng trước đó do kết quả của một đợt rà soát. Trừ trường hợp việc kiểm tra trước khi khởi xướng cho thấy các tình huống đã thay đổi, việc điều tra sẽ không được tiến hành.

Điều 7.10 : Đánh giá tích lũy

Khi hàng nhập khẩu từ nhiều hơn một nước đồng thời là đối tượng của vụ việc điều tra chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp, một Bên phải kiểm tra, với sự quan tâm đặc biệt, liệu đánh giá tích lũy về tác động của hàng nhập khẩu từ Bên kia có phù hợp với những điều kiện về cạnh tranh giữa hàng nhập khẩu và những điều kiện về cạnh tranh giữa hàng nhập khẩu và hàng hoá tương tự trong nước hay không.

Mục C : Ủy ban về Phòng vệ thương mại

Điều 7.11 : Ủy ban về Phòng vệ thương mại

1. Các Bên theo đó thành lập một Ủy ban về Phòng vệ thương mại (sau đây gọi tắt là “Ủy ban”), bao gồm các đại diện ở một vị trí thích hợp từ các cơ quan liên quan của mỗi Bên mà chịu trách nhiệm về các vấn đề phòng vệ thương mại, bao gồm chống bán phá giá, trợ cấp và các biện pháp đối kháng, và các vấn đề tự vệ.
2. Chức năng của Ủy ban bao gồm:
 - (a) nâng cao kiến thức và hiểu biết của một Bên về các quy định, luật pháp, chính sách và thực tiễn phòng vệ thương mại của Bên kia;
 - (b) giám sát việc thực hiện Chương này;
 - (c) tăng cường hợp tác giữa các cơ quan chịu trách nhiệm về các vấn đề về phòng vệ thương mại của các Bên;
 - (d) cung cấp một diễn đàn cho các Bên để trao đổi thông tin về các vấn đề liên quan đến chống bán phá giá, trợ cấp và các biện pháp đối kháng và tự vệ;
 - (e) cung cấp một diễn đàn cho các Bên để thảo luận về các chủ đề có liên quan khác mà là mối quan tâm chung bao gồm:
 - (i) các vấn đề quốc tế có liên quan đến phòng vệ thương mại, bao gồm cả các vấn đề liên quan đến các cuộc đàm phán về nguyên tắc tại vòng đàm phán Doha của WTO; và
 - (ii) thực tiễn điều tra của các cơ quan có thẩm quyền của các Bên trong điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp, ví dụ như việc áp dụng “các thông tin bất lợi có sẵn” và thủ tục thẩm tra; và
 - (f) hợp tác về các vấn đề khác mà các Bên thỏa thuận là cần thiết.
3. Ủy ban họp ít nhất một lần một năm và có thể họp thường xuyên hơn nếu các Bên đồng ý.

Mục D : Các định nghĩa

Điều 7.12 : Định nghĩa

Đối với Chương này:

ngành sản xuất trong nước nghĩa là, liên quan tới một hàng hoá nhập khẩu, toàn bộ các nhà sản xuất của sản phẩm tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp hoạt động tại lãnh thổ của một Bên, hoặc các nhà sản xuất có tổng sản lượng của hàng hoá tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp chiếm tỷ lệ lớn trong tổng sản xuất trong nước của hàng hoá đó;

biện pháp tự vệ là một biện pháp được mô tả tại Điều 7.1;

thiệt hại nghiêm trọng là sự suy giảm chung đáng kể về vị trí của ngành sản xuất trong nước;

nguyên nhân trọng yếu là nguyên nhân quan trọng và không kém hơn bất kỳ nguyên nhân nào khác;

đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng là thiệt hại nghiêm trọng mà, trên cơ sở thực tế và không chỉ đơn thuần dựa trên cáo buộc, phỏng đoán, hoặc khả năng xa, là rõ ràng sắp xảy ra; và

giai đoạn chuyển đổi là giai đoạn 10 năm kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực, trừ trường hợp đối với bất kỳ hàng hoá nào mà Lộ trình tại Phụ lục 2-A (Cắt giảm hoặc xoá bỏ thuế hải quan) của Bên áp dụng biện pháp tự vệ cho phép Bên đó xoá bỏ thuế quan của mình đối với hàng hoá trong một thời hạn dài hơn 10 năm, thì **giai đoạn chuyển đổi** là thời hạn xoá bỏ thuế quan đối với hàng hoá quy định trong Lộ trình.